

Số: 3080/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1 - đợt 6)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019; Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sơ bộ bồi thường, GPMB đối với Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 31/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 4689/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo Văn bản số 2422/UBND-TH ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh về việc điều chuyển việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án do Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh thực hiện;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tờ trình số 174/TTr-TTPTQĐ ngày 08/8/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 998/TTr-STNMT ngày 15/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1 - đợt 6), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **2.130.012.000 đồng** (Hai tỷ, một trăm ba mươi triệu, không trăm mười hai nghìn đồng), trong đó:


- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.088.247.000 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 41.765.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 4.177.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 2.924.000 đồng).


(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ứng trước của Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K14, K16. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU DÂN CƯ KẾT HỢP CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ BẮC HÀ THANH TẠI XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC (GIAI ĐOẠN 1 - ĐỢT 6)*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	DT đất nông nghiệp được BT, HT (m ²)		Diện tích đất không được BT, HT (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Giá trị BT, HT (đồng)	
				Trong MB	Ngoài MB		Bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp		Hỗ trợ CDN và TVL		Vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu		Hỗ trợ ổn định đời sống
							Trong MB	Ngoài MB	Trong MB	Ngoài MB				
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + (6) + (7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	12	(13)	(114)	(15) = (8)+...+(14)
1	Trần Ngọc Liễn và bà Nguyễn Thị Nga	Thôn Phở Trạch, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	1.552,30	1.552,30			121.234.630		330.639.900			6.985.350	0	458.860.000
2	Hồ Ngọc Trung, anh Hồ Ngọc Vũ ĐDKK	Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	1.780,20	1.780,20			139.033.620		0			8.010.900	0	147.045.000
3	Bà Nguyễn Thị Phương (chết), con Trần Thị Đầu ĐDKK,	Thôn Tân Thuận, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	2.161,90	2.161,90			175.812.780		479.489.400			9.728.550	4.320.000	669.351.000
4	Bà Trương Thị An	Thôn Phở Trạch, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	2.519,70	2.519,70			207.769.320		566.643.600			11.338.650	21.600.000	807.352.000
5	Nguyễn Hớn, con Nguyễn Dur đại diện	Thôn Phở Trạch, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước									1.884.000	3.755.000		5.639.000
I	Tổng giá trị BT, HT													2.088.247.000
II	Chi phí GPMB 2%: (I) x 2%													41.765.000
III	Tổng cộng: (I) + (II)													2.130.012.000

